

Bình Dương, ngày 09 tháng 7 năm 2019

Số: 189/BC-ĐDBQH

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT
“Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng
các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước giai đoạn 2013 - 2018
tại tỉnh Bình Dương”

Thực hiện Nghị quyết số 538/2018/QH14 ngày 19/7/2018 về Chương trình giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội năm 2019, Nghị quyết số 575/NQ-UBTVQH14 ngày 13/9/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát và Công văn số 3027/VPQH-GS ngày 20/11/2018 về việc đề nghị báo cáo nội dung giám sát “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước giai đoạn 2013-2018 trên địa bàn tỉnh”, Đoàn ĐBQH tỉnh báo cáo kết quả giám sát như sau:

I- VIỆC BAN HÀNH CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ THÀNH LẬP, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1- Tình hình ban hành chính sách, pháp luật về thành lập, quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước giai đoạn 2013 - 2018

Cụ thể hóa các Nghị quyết của Đảng, thời gian qua, Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quy định về việc thành lập, quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước. Theo thống kê, hiện tại có 03 Luật; 17 Nghị định và Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và 07 Thông tư, Quyết định của các bộ, ngành quy định các vấn đề liên quan đến quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước thuộc các lĩnh vực khám chữa bệnh cho người nghèo, bảo vệ môi trường, bảo trì đường bộ, hỗ trợ nông dân, phát triển khoa học công nghệ, phát triển kinh tế tập thể, bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ, phát triển đất, phát triển nhà ở (phụ lục 1).

2- Đánh giá nội dung chính sách, pháp luật về thành lập, quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước

Hệ thống chính sách, pháp luật về thành lập, quản lý và sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước được ban hành khá đầy đủ, cơ bản kịp thời, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ tăng cường thu hút vốn đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân, huy động thêm các nguồn tài chính hỗ trợ ngân sách nhà nước trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội; tạo thêm công cụ phân phối lại thu nhập quốc dân có hiệu quả hơn để thực hiện tốt hơn vai trò quản lý vĩ mô của Nhà nước, khắc phục những khiếm khuyết của kinh tế thị trường.



Hiện tại có 11 loại quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước đang hoạt động trên địa bàn tỉnh¹. Các quỹ tài chính này được thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, qua đó đã tiếp nhận, huy động nguồn vốn lớn từ các tổ chức và cá nhân, góp phần to lớn trong việc đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đồng thời đảm bảo phúc lợi, an sinh xã hội cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

II- TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2013-2018

1- Tình hình triển khai, tổ chức, thực hiện

1.1- Quỹ Khám bệnh cho người nghèo

Với chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu hỗ trợ một phần chi phí khám chữa bệnh cho các đối tượng mắc các bệnh hiểm nghèo, thời gian điều trị lâu dài, thời gian qua, Quỹ Khám bệnh cho người nghèo đã hỗ trợ các khoản như tiền ăn, phương tiện đi lại, một phần kinh phí khám chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh cho 1.049 đối tượng, với tổng kinh phí là 7.538 triệu đồng.

1.2- Quỹ Bảo vệ môi trường

Với chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu là tiếp nhận vốn của ngân sách, vốn tài trợ, viện trợ, huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để hỗ trợ tài chính (cho vay với lãi suất ưu đãi, tài trợ, đồng tài trợ, hỗ trợ lãi suất) cho các tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án, hoạt động về bảo vệ môi trường, nhằm khuyến khích, động viên các cá nhân, tổ chức cùng tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, là công cụ kinh tế hỗ trợ cho hoạt động quản lý môi trường của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Hiện tại Quỹ đã thực hiện tài trợ cho 13 dự án, cho vay với lãi suất ưu đãi 41 đối tượng và 43 dự án với tổng kinh phí là 223.346 triệu đồng.

Có thể thấy việc thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường mang tính cấp thiết, nhất là đối với các địa phương phát triển mạnh về công nghiệp nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo quá trình phát triển bền vững của địa phương.

1.3- Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh

Việc thành lập Quỹ nhằm góp phần đảm bảo kinh phí cho công tác bảo trì, quản lý hệ thống đường bộ thuộc tỉnh quản lý. Đến nay Quỹ thực hiện quản lý các công trình đường bộ 22 dự án; bảo dưỡng thường xuyên các công trình đường bộ với 26 dự án; duy tu sửa chữa đường bộ 113 dự án: với tổng kinh phí

¹ (1) Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo; (2) Quỹ Bảo vệ môi trường; (3) Quỹ Bảo trì đường bộ; (4) Quỹ Phòng, chống thiên tai; (5) Quỹ Hỗ trợ nông dân; (6) Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ; (7) Quỹ Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể; (8) Quỹ Đầu tư phát triển; (9) Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa; (10) Quỹ phát triển đất; (11) Quỹ phát triển nhà ở.

507.734 triệu đồng. Qua giám sát nhận thấy hiện nay toàn bộ nguồn thu phạt trong lĩnh vực an toàn giao thông đều nộp ngân sách nhà nước. Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh chỉ điều hành các công trình về giao thông thuộc tỉnh. Do đó kiến nghị xem xét giải thể Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh.

1.4- Quỹ Phòng, chống thiên tai

Việc thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ Phòng, chống thiên tai được thực hiện theo Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ. Hiện tại đã thực hiện hỗ trợ cho 712 đối tượng và 103 dự án với tổng kinh phí 79.962 triệu đồng.

1.5- Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ

Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ được thành lập nhằm tài trợ, cho vay để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức và cá nhân đề xuất; hoạt động của Quỹ vì mục đích bảo toàn vốn, bù đắp chi phí và không vì mục đích lợi nhuận; hỗ trợ, thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong phạm vi giám sát, Quỹ đã hỗ trợ, cho vay 13 dự án với tổng kinh phí 51.640 triệu đồng.

1.6- Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa

Quỹ được thành lập nhằm thực hiện bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; thu hút vốn góp của các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp, các hiệp hội ngành nghề, các tổ chức đại diện và hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa; xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động hàng năm và dài hạn của hoạt động bảo lãnh tín dụng. Quỹ đã thực hiện cho vay hơn 83 dự án với tổng kinh phí 4.123.651 triệu đồng.

1.7- Quỹ Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể

Quỹ hỗ trợ phát triển Tổ hợp tác, thành viên Hợp tác xã, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã để đổi mới phát triển sản phẩm; đổi mới phát triển công nghệ kỹ thuật; Phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm; xây dựng và nhân rộng các mô hình Tổ hợp tác, thành viên Hợp tác xã, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, các mô hình hợp tác xã điển hình tiên tiến... nhằm tạo thêm việc làm, hạn chế tình trạng thất nghiệp, tăng thu nhập, góp phần trong công tác giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh. Hiện Quỹ đã thực hiện cho 68 đối tượng vay vốn với tổng kinh phí 34.752 triệu đồng.

Qua giám sát nhận thấy các quy định về Quỹ Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể chưa có nội dung chồng chéo, mâu thuẫn so với các quy định khác hiện hành.

1.8- Quỹ Hỗ trợ nông dân

Quỹ hỗ trợ, giúp đỡ hội viên nông dân xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế, tạo điều kiện để Hội Nông dân các cấp đẩy mạnh hoạt động, tuyên truyền, tập hợp nông dân, thực hiện thắng lợi các chương trình phát triển kinh tế của Đảng, Nhà nước đối với phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn

mới, nâng cao đời sống nông dân và xây dựng Hội vững mạnh. Hiện Quỹ đã thực hiện cho vay vốn 322 dự án với tổng kinh phí 75.586 triệu đồng.

Qua rà soát và căn cứ kết quả báo cáo của đơn vị chịu sự giám sát nhận thấy các quy định hiện hành về Quỹ chưa có các điều khoản về chi phụ cấp cho cán bộ hợp đồng của Quỹ cũng như Ban vận động Quỹ

1.9- Quỹ Đầu tư phát triển (bao gồm cả nhiệm vụ Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quỹ Phát triển đất; Quỹ Phát triển Nhà ở)

- Quỹ Đầu tư phát triển góp phần giải quyết nguồn vốn để cho các đơn vị các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh, bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

- Quỹ Phát triển nhà ở thực hiện chương trình phát triển nhà ở xã hội của tỉnh. Đến nay đã thực hiện cho vay 5 dự án với tổng kinh phí 227.953 triệu đồng.

- Quỹ Phát triển đất góp phần trong việc tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Trong giai đoạn giám sát đã thực hiện cho vay 7 dự án với tổng kinh phí 65.660 triệu đồng.

Rà soát quy định hiện hành về các loại Quỹ trên, Đoàn giám sát nhận thấy chưa có nội dung chồng chéo, mâu thuẫn so với các quy định khác hiện hành.

2- Tồn tại, hạn chế trong các quy định của pháp luật đối với các loại Quỹ

- Qua giám sát, Đoàn giám sát nhận thấy các quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức, quản lý, sử dụng các loại Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước còn nhiều chồng chéo, mâu thuẫn, chưa kịp thời bổ sung, sửa đổi. Nội dung cụ thể xin xem phụ lục 2 của báo cáo.

III- Đánh giá tình hình triển khai, tổ chức thực hiện

1- Cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các Quỹ

1.1- Về tổ chức hoạt động

- Các quỹ tài chính ngoài ngân sách hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của mỗi Quỹ do UBND tỉnh phê duyệt.

- Tùy theo loại hình, Quỹ được đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Hội đồng Quản lý quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Phát triển nhà ở, Quỹ Phát triển đất, Quỹ Bảo vệ môi trường, Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ, Quỹ Bảo trì đường bộ), Ban Điều hành (Quỹ Hỗ trợ Nông dân), Ban Chỉ huy (Quỹ Phòng, chống thiên tai),... được hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, với các thành viên là lãnh đạo UBND tỉnh và lãnh đạo các sở, ngành có liên quan; Quỹ có Ban Kiểm soát quỹ hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm.

1.2- Về bộ máy điều hành Quỹ

Quỹ Đầu tư phát triển hoạt động độc lập theo hình thức doanh nghiệp nhà nước, với bộ máy điều hành gồm Ban Giám đốc và các Phòng ban nghiệp vụ, riêng Quỹ Phát triển nhà ở và Quỹ Phát triển đất không thành lập tổ chức độc lập mà được thực hiện theo hình thức ủy thác sang Quỹ Đầu tư phát triển quản lý, từ đó tận dụng được bộ máy của Quỹ Đầu tư phát triển để thực hiện nhiệm vụ của các Quỹ nêu trên, góp phần tiết kiệm được chi phí quản lý, tổ chức bộ máy mà vẫn đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Quỹ Bảo trì đường bộ, Quỹ Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ, Quỹ Bảo vệ môi trường hoạt động theo hình thức là đơn vị sự nghiệp. Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo, Quỹ Phòng chống thiên tai, Quỹ Hỗ trợ nông dân hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm.

1.3- Tình hình hoạt động các Quỹ

- Các Quỹ luôn tuân thủ chế độ kế toán, chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật; thực hiện thu, chi, mở sổ kế toán, ghi chép chứng từ, hạch toán, quyết toán thu, chi tài chính, lập báo cáo quyết toán tài chính và lưu giữ, bảo quản chứng từ, báo cáo theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và các quy định của Bộ Tài chính; lập báo cáo tài chính năm trình Hội đồng quản lý quỹ thẩm tra và thông qua; quyết định theo thẩm quyền hoặc trình UBND tỉnh việc trích lập và phân phối các Quỹ theo quy định của Bộ Tài chính.

- Công tác xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm: các Quỹ đều lập kế hoạch hàng năm và dài hạn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính gửi các đơn vị liên quan và trình UBND tỉnh phê duyệt bao gồm: Kế hoạch huy động vốn và sử dụng vốn; kế hoạch thu chi tài chính, kết quả kinh doanh và phân phối kết quả kinh doanh; kế hoạch lao động, tiền lương... (phụ lục 3, phụ lục 4, phụ lục 5).

- Các Quỹ được sử dụng và hoạt động theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ; tuân thủ đúng cơ chế tài chính theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; thực hiện chế độ kiểm tra, thanh tra, kiểm toán theo đúng quy định.

- Công tác quản lý Quỹ luôn đảm bảo tính công khai, minh bạch. Định kỳ hàng quý, Hội đồng Quản lý quỹ tổ chức họp để nắm bắt tình hình hoạt động trong quý và đề ra kế hoạch hoạt động quý tiếp theo của Quỹ. Ban Kiểm soát quỹ bao gồm cán bộ, công chức của các sở, ngành có liên quan đến từng loại quỹ, hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm và độc lập với Bộ máy nghiệp vụ của quỹ.

2- Kế hoạch tài chính đến năm 2020 (phụ lục 3).

IV- KIẾN NGHỊ

Từ thực tiễn thực hiện chính sách, pháp luật về thành lập, quản lý và sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước, quá giám sát, Đoàn ĐBQH tỉnh kiến nghị Chính phủ và một số bộ, ngành một số vấn đề sau:

1- Đối với Quỹ bảo vệ môi trường

- Xây dựng và ban hành cơ chế, mô hình hoạt động cho các Quỹ Bảo vệ môi trường địa phương nhằm đảm bảo thống nhất và quy chuẩn.

- Xây dựng và ban hành quy chế quản lý tài chính riêng cho các Quỹ Bảo vệ môi trường địa phương, trong đó quy định chi tiết về các khoản mục nguồn thu, chi phí cũng như các quy định cụ thể về việc trích lập dự phòng, phân loại nợ, rủi ro, giới hạn tín dụng...

- Xây dựng và ban hành các Nghị định, Thông tư hướng dẫn việc bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Quỹ từ các nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường, Phí Bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, tiền xử phạt về bảo vệ môi trường và các nguồn vốn khác theo quy định pháp luật để có cơ sở tăng cường nguồn vốn cho Quỹ.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 8, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP theo hướng: “Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn và được tính từ thời điểm ký quỹ. Tổ chức, cá nhân chỉ được rút tiền lãi một lần sau khi có giấy xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung phương án hoặc phương án bổ sung.”

- Sửa đổi, bổ sung Phụ lục III, Nghị định số 19 theo hướng mở rộng đối tượng được hưởng các chính sách ưu tiên, vay vốn ưu đãi thực hiện các dự án về bảo vệ môi trường, theo nhiều quy mô, cấp độ khác nhau, kể cả các dự án vừa và nhỏ để phù hợp với thực tế chung tại các địa phương, khuyến khích người dân, doanh nghiệp và cộng đồng cùng chung tay bảo vệ môi trường.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 57, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP theo hướng: “Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu thực hiện ký quỹ theo một trong những hình thức ký quỹ như sau: Thực hiện ký quỹ tại quỹ bảo vệ môi trường địa phương. Trường hợp địa phương nơi nhập khẩu phế liệu chưa thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường thì ký quỹ tại Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam. Tiền ký quỹ được nộp, hoàn trả bằng tiền đồng Việt Nam”.

2- Đối với Quỹ Phòng, chống thiên tai

Đề nghị ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 94/2014/NĐ-CP quy định về thành lập và quản lý về Quỹ Phòng, chống thiên tai do Nghị định 94 có nhiều nội dung còn chưa rõ ràng nhất là về cơ cấu, tổ chức bộ máy, số lượng nhân sự, kinh phí hoạt động cơ quan quản lý quỹ; mức đóng góp chưa đảm bảo sự công bằng cho các đối tượng đóng góp; trình tự thủ tục chi, thanh quyết toán quỹ chưa đảm bảo nhanh chóng, hỗ trợ người dân kịp thời.

3- Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ

Đề nghị Chính phủ sớm ban hành các quy định hướng dẫn chuyên môn cho Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh; đồng thời ban hành một số Điều lệ mẫu tổ chức hoạt động của Quỹ cho cấp bộ và cấp tỉnh và nâng mức hỗ trợ kinh phí của Nhà nước cao hơn 30% cho các cá nhân, tổ chức đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước giai đoạn 2013 - 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Đoàn ĐBQH tỉnh báo cáo Đoàn Giám sát của UBTVQH./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Tài chính, Ngân sách;
- Vụ Tài chính, Ngân sách-VPQH;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH;
- Các vị ĐBQH;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH;
- Lưu: VP, T.

**TM.ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT.TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**



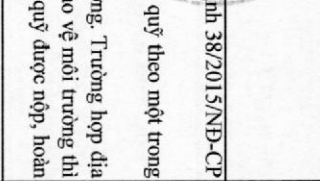
Phạm Trọng Nhân




PHỤ LỤC 1: TÌNH HÌNH BAN HÀNH VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH TẠI TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số: 189/BC-DDBQH ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Đoàn ĐBQH tỉnh)

TT	Loại văn bản	Số hiệu/Tên văn bản, thời gian ban hành	Nội dung chống chéo, mâu thuẫn, nội dung không còn phù hợp; nội dung còn thiếu cần bổ sung	Kiến nghị
I	Quy Khám chữa bệnh cho người nghèo	Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002. Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012.		
II	Quy Bảo vệ môi trường	Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014	<p>- Theo Luật Bảo vệ môi trường thì các loại phí bảo vệ môi trường là một trong những nguồn bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ Bảo vệ môi trường, tuy nhiên hiện nay chưa có Văn bản quy định về Phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản được điều chuyển về cho Quỹ.</p> <p>Ngoài ra, cũng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Quỹ Bảo vệ môi trường là tổ chức tài chính nhà nước được thành lập từ trung ương đến địa phương với mục tiêu hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường, giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thực hiện tốt chức năng quản lý của ngành.</p> <p>- Tuy nhiên, hiện chưa có văn bản pháp lý nào hướng dẫn cụ thể về hoạt động của các Quỹ Bảo vệ môi trường ngoại trừ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có cơ chế hoạt động và chế độ tài chính rõ ràng, do đó mỗi địa phương tự xây dựng và hoạt động theo những quy định riêng nên đôi lúc còn lúng túng. Để hoạt động của các Quỹ ngày càng hiệu quả thì việc xây dựng và ban hành các văn bản pháp lý hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của các Quỹ Bảo vệ môi trường thống nhất từ Trung ương đến địa phương là cần thiết.</p>	
1	Luật, Nghị quyết của Quốc hội			<p>Đề xuất:</p> <ol style="list-style-type: none"> Xây dựng và ban hành cơ chế, mô hình hoạt động cho các Quỹ Bảo vệ môi trường địa phương thống nhất, quy chuẩn. Xây dựng và ban hành quy chế quản lý tài chính riêng cho các Quỹ Bảo vệ môi trường địa phương (có thể là giống như quy chế quản lý tài chính của Quỹ BVMT Việt Nam), trong đó quy định chi tiết về các khoản mục nguồn thu, chi phí cũng như các quy định cụ thể về việc trích lập dự phòng, phân loại nợ rủi ro, giới hạn tín dụng,... Xây dựng và ban hành các Nghị định, Thông tư hướng dẫn về việc bổ sung nguồn vốn hoạt động cho các Quỹ Bảo vệ môi trường từ các nguồn Kinh phí sự nghiệp môi trường, Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, tiền xử phạt về bảo vệ môi trường và các nguồn vốn khác theo quy định pháp luật để có cơ sở tăng cường nguồn vốn cho Quỹ Bảo vệ môi trường.
2	Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ	Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ	<p>Theo Khoản 4, Điều 8, Nghị định 19/2015/NĐ-CP quy định: “Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất bằng lãi suất cho vay của quỹ bảo vệ môi trường nơi ký quỹ và được tính từ thời điểm ký quỹ...”</p> <p>Quy định này chưa phù hợp với thực tế về quản lý tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, các Quỹ không được sử dụng khoản tiền này để làm nguồn vốn cho doanh nghiệp vay ưu đãi mà còn phải quản lý sao cho an toàn và có tiền chênh lệch để trang trải chi phí quản lý và trả cho doanh nghiệp.</p>	<p>Đề xuất: Sửa đổi, bổ sung Khoản 4, Điều 8, Nghị định 19/2015/NĐ-CP như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn và được tính từ thời điểm ký quỹ. Tổ chức, cá nhân chi được rút tiền lãi một lần sau khi có giấy xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung phương án hoặc phương án bổ sung.” <p>Ngoài ra, đề nghị Sửa đổi, bổ sung Phụ lục III, Nghị định 19/2015/NĐ-CP theo hướng mở rộng đối tượng được hưởng các chính sách ưu tiên, vay vốn ưu đãi thực hiện các dự án về bảo vệ môi trường, theo nhiều quy mô, cấp độ khác nhau, kể cả các dự án vừa và nhỏ, để phù hợp với thực tế chung tại các địa phương, khuyến khích người dân, doanh nghiệp và cộng đồng cùng chung tay bảo vệ môi trường.</p>


TT	Loại văn bản	Số hiệu/Tên văn bản, thời gian ban hành	Nội dung chồng chéo, mâu thuẫn, nội dung không còn phù hợp; nội dung còn thiếu cần bổ sung	Đề xuất: Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 57 Nghị định 38/2015/NĐ-CP như sau:  Kiến nghị: 2. Tò chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu thực hiện ký quỹ theo một trong những hình thức ký quỹ như sau: Thực hiện ký quỹ tại quỹ bảo vệ môi trường địa phương; Trường hợp địa phương nơi nhập khẩu phế liệu chưa thành lập quỹ bảo vệ môi trường thì ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam. Tiền ký quỹ được nộp, hoàn trả bằng tiền đồng Việt Nam."
		Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ	Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, không quy định việc ký quỹ nhập khẩu phế liệu tại các Quỹ Bảo vệ môi trường địa phương mà phải ký quỹ ở Quỹ BVMT Việt Nam hoặc Ngân hàng thương mại, việc này sẽ khó khăn cho các doanh nghiệp đóng tiền địa bàn, đồng thời hạn chế nguồn vốn có thể tận dụng để các Quỹ BVMT địa phương xem xét, cần đổi trong hoạt động ưu đãi vay vốn cho các doanh nghiệp thực hiện công trình BVMT trên địa bàn; khó theo dõi và quản lý việc ký quỹ	
3	Quyết định, Thông tư của Bộ trưởng	- Thông tư số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010. - Thông tư số 02/2017/TTLT-BTC ngày 06/01/2017.	Theo Thông tư 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của Liên Bộ Tài chính – Bộ Tài nguyên Môi trường hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường trước đây, có nội dung về phân cấp nhiệm vụ chi quy định: Ngân sách trung ương sẽ cấp bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam; Ngân sách cấp tỉnh sẽ cấp bổ sung vốn hoạt động cho các Quỹ Bảo vệ môi trường địa phương. Tuy nhiên, Thông tư 02/2017/TTLT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường (thay thế Thông tư 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT) lại bỏ qua, không có quy định về việc bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Quỹ địa phương từ ngân sách cấp tỉnh, chỉ quy định đối với Quỹ BVMT Việt Nam dẫn đến thiếu cơ sở căn cứ để cấp vốn Quỹ địa phương một cách chính thống. Tuy nhiên, hiện chưa có văn bản pháp lý nào hướng dẫn cụ thể về hoạt động của các Quỹ Bảo vệ môi trường ngoài trừ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có cơ chế hoạt động và chế độ tài chính rõ ràng, do đó mỗi địa phương tự xây dựng và hoạt động theo những quy định riêng nên đôi lúc còn lúng túng. Để hoạt động của các Quỹ ngày càng hiệu quả thì việc xây dựng và ban hành các văn bản pháp lý hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của các Quỹ Bảo vệ môi trường thống nhất từ Trung ương đến địa phương là cần thiết.	Đề xuất: sửa đổi, bổ sung Thông tư 02/2017/TTLT-BTC, giữ lại nội dung như trước đây: “2. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, gồm: s) Hỗ trợ Quỹ Bảo vệ môi trường của địa phương (nếu có).”
III	Quy Bảo trì đường bộ	Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012		
1	Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ	Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/05/2014 Nghị định số 28/2016/NĐ-CP ngày 20/04/2016		Hiện nay toàn bộ nguồn thu phát trong lĩnh vực an toàn giao thông đều nộp ngân sách nhà nước; Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh chỉ điều hành các công trình về giao thông thuộc tỉnh. Do đó, kiến nghị giải thể Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh.
2	Quyết định, Thông tư của Bộ trưởng	Thông tư số 230/TTLT-BTC-BGTVT Thông tư số 60/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017		
IV	Quy phòng chống thiên tai			
1	Luật, Nghị quyết của Quốc hội	Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013		

TT	Loại văn bản	Số hiệu văn bản, thời gian ban hành	Nội dung chông chéo, mâu thuẫn, nội dung không còn phù hợp; nội dung còn thiếu cần bổ sung	Kiến nghị
2	Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ	 <p>Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 quy định về thành lập và quản lý về Quỹ Phòng, chống thiên tai</p>	<p>Nhiệm vụ nội dung còn chưa rõ ràng về: Cơ cấu, tổ chức bộ máy, số lượng nhân sự, kinh phí hoạt động của Ủy ban lý quỹ; mức đóng góp chưa đảm bảo sự công bằng cho các đối tượng đóng góp; trình tự thủ tục thành quyết toán quỹ chưa đảm bảo nhanh chóng, hỗ trợ người dân kịp thời. Ban Chi huy PC/T & TKCN tỉnh Bình Dương đã đề nghị Ban Chi đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai xem xét kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định 94/2014/NĐ-CP để thuận lợi cho công tác triển khai thực hiện và mang tính thống nhất trên cả nước. Các khó khăn, vướng mắc đã được báo cáo về Ban chỉ đạo trung ương về phòng chống thiên tai, Bộ NN-PTNT trong các báo cáo hàng tháng tình hình thực hiện Nghị định 94/2014/NĐ-CP và các văn bản: số 890/SNN-CCCTL ngày 12/6/2015, số 1636/BC-SNN ngày 23/9/2015, số 1836/BC-PCTT ngày 09/10/2017, số 1558/SNN-XDCT ngày 13/8/2018.</p>	Ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 94/2014/NĐ-CP
V	Quỹ Hỗ trợ nông dân		<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung thêm vào điểm b, khoản 2, Điều 9: chi phụ cấp cho cá cán bộ hợp đồng của Quỹ Hỗ trợ Nông dân - Bổ sung thêm vào điểm c, khoản 2, Điều 9: chi phụ cấp cho Ban vận động Quỹ Hỗ trợ Nông dân - Điều chỉnh nội dung tại điểm m, khoản 3, Điều 9: Chi hỗ trợ hoạt động Hội và phong trào nông dân của Hội Nông dân cùng cấp, mức chi không vượt quá 10% tổng thu nhập của Quỹ Hỗ trợ nông dân. - Tách riêng định mức trích của 02 Quỹ phúc lợi, Quỹ khen thưởng tại điểm b, khoản 2, Điều 10 	
VI	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ	<p>Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013</p> <p>Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18/9/1999 của Chính phủ</p> <p>Nghị định số 122/2003/NĐ-CP ngày 22/10/2003 của Chính phủ</p> <p>Quyết định số 117/2005/QĐ-TTg ngày 27/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 119/1999/NĐ-CP ngày 18/9/1999 của Chính phủ ban hành quy định về một số chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ, hoặc liên kết với các cơ quan nghiên cứu để thực hiện đề tài. (Theo nghị định này, ngoài chính sách hỗ trợ về thuế, Nhà nước hỗ trợ 30% kinh phí của đề tài để doanh nghiệp tự nghiên cứu.) + Không còn phù hợp với xu hướng phát triển hiện nay. - Nghị định số 122/2003/NĐ-CP ngày 22/10/2003 của Chính phủ về việc thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia. + Nội dung Nghị định này cần bổ sung thêm về việc thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ cấp tỉnh <p>Quyết định số 117/2005/QĐ-TTg ngày 27/5/2005 ban hành Điều lệ mẫu tổ chức hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.</p> + Nội dung Quyết định này cần bổ sung, và sửa đổi một số Điều lệ mẫu cho phù hợp với xu hướng hiện nay.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước sớm ban hành các quy định và hướng dẫn chuyên môn cho các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ cấp tỉnh. - Nhà nước sớm ban hành một số Điều lệ mẫu cho cấp Bộ, và cấp tỉnh.
VII	Các văn bản chỉ đạo của Đảng	<p>Quyết định số 2261/QĐ/TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính Phủ</p>	<p>Phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển Hợp tác xã giai đoạn 2015 -2020</p>	



Kiến nghị

TT	Loại văn bản	Số hiệu/Tên văn bản, thời gian ban hành	Nội dung chồng chéo, mâu thuẫn, nội dung không còn phù hợp; nội dung còn thiếu cần bổ sung	
2	Luật, Nghị quyết của Quốc hội	Luật số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012 về Hợp tác xã (Luật HTX năm 2012)		
3	Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ	<p>1. Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính Phủ</p> <p>2. Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính Phủ</p>	<p>Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính Phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã</p> <p>Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã.</p>	
4	Quyết định, Thông tư của Bộ trưởng	<p>1. Thông tư số 81/2007/TT-BTC ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Tài Chính</p> <p>2. Thông tư số 81/2007/TT-BTC, ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ tài chính</p>	<p>Thông tư số 81/2007/TT-BTC ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã.</p> <p>Thông tư số 81/2007/TT-BTC, ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành</p>	
VIII	Quy Định tư phát triển			
	Nghị định của Chính phủ	Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương		
IX	Quy Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa	Nghị định của Chính phủ	<p>Ngày 08/03/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 34/2018/NĐ-CP về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (viết tắt là Nghị định 34) thay thế Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên hiện nay, Quỹ tạm thời chưa đề nghị Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh xem xét, bãi bỏ Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 09/7/2014 và Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành “Quy định về bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Dương”, nguyên nhân như sau</p> <p>Hiện nay, Bộ Tài chính chưa ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính, chế độ kế toán và Thông tư hướng dẫn cơ chế xử lý rủi ro của Quỹ bảo lãnh tín dụng; Ngân hàng nhà nước chưa ban hành Thông tư hướng dẫn các tổ chức tín dụng phối hợp với Quỹ bảo lãnh tín dụng trong cho vay có bảo lãnh tín dụng theo Nghị định số 34</p> <p>Quy định tiếp tục thực hiện nhiệm vụ theo Công văn số 2578/UBND-KTTH ngày 13/06/2018 của UBND tỉnh Bình Dương về việc Quỹ Đầu tư Phát triển tiếp tục thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các nội dung quy định tại Nghị định số 34 và pháp luật có liên quan.</p>	

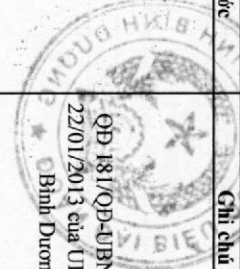
TT	Loại văn bản	Số hiệu/ Tên văn bản, thời gian ban hành	Kiến nghị
		 <p>Số hiệu/ Tên văn bản, thời gian ban hành</p> <p>tương Chính phủ</p> <p>Nội dung chồng chéo, mâu thuẫn, nội dung không còn phù hợp; nội dung còn thiếu cần bổ sung</p>	
X	Quyết định	<p>Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý sử dụng Quỹ phát triển đất</p>	
XI	Quyết định	<p>Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở</p>	

PHỤ LỤC 2 TỔNG HỢP CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH TẠI TỈNH BÌNH DƯƠNG

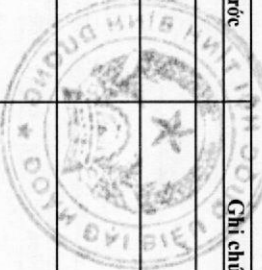
(Kèm theo Báo cáo số: 189 /BC-DDBQH ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Đoàn DBQH tỉnh)



TT	Các quỹ tại chính	Nội dung về chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu hoạt động của quỹ	Các chế độ chính sách hỗ trợ của nhà nước	Ghi chú
I	Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo	Hỗ trợ một phần chi phí khám chữa bệnh cho các đối tượng mắc các bệnh hiểm nghèo, thời gian điều trị lâu dài	<p>Các chế độ chính sách hỗ trợ của nhà nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tiền ăn khi điều trị nội trú cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn: 3% lương tối thiểu chung/người bệnh/ngày - Hỗ trợ sử dụng phương tiện đi lại cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn: 0,2 lít xăng/km cho một chiều đi tính theo khoảng cách vận chuyển thực tế và giá xăng, dầu tại thời điểm sử dụng 	
II	Quỹ Bảo vệ môi trường	Tiếp nhận vốn của ngân sách, vốn tài trợ, viện trợ, huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để hỗ trợ tài chính (cho vay với lãi suất ưu đãi, tài trợ, đồng tài trợ, hỗ trợ lãi suất) cho các tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án, hoạt động về bảo vệ môi trường, nhằm khuyến khích, động viên các cá nhân, tổ chức cùng tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, là công cụ kinh tế hỗ trợ cho hoạt động quản lý môi trường của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.	<p>Hỗ trợ một phần chi phí khám, chữa bệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần đồng chi trả từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng hỗ trợ 100% - Phần đồng chi trả trên 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng hỗ trợ 80% - Phần đồng chi trả trên 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng hỗ trợ 60% - Phần đồng chi trả trên 4.000.000 đồng hỗ trợ 50% nhưng không quá 5 triệu đồng và 1 năm không thanh toán quá 4 lần - Hỗ trợ thanh toán một phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho đối tượng ung thư, chấy thân, mổ tim phải chỉ trả cho cơ sở y tế của Nhà nước từ 10.000.000 đồng trở lên cho một đợt khám, chữa bệnh trong trường hợp không có bảo hiểm y tế thì được hỗ trợ 50% chi phí khám, chữa bệnh theo quy định nhưng tối đa không quá 20.000.000 đồng/người/lần hỗ trợ và không quá 02 lần/người/năm. 	Việc quản lý và sử dụng tiền quỹ quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định tại Thông tư 08/2017/TT-BTC ngày 24/01/2017 của Bộ Tài chính.
1	Hỗ trợ tài chính cho các hoạt động về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương			
2	Tiếp nhận và quản lý tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh và các loại hình ký quỹ khác theo quy định của pháp luật.	Tiếp nhận và quản lý tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh và các loại hình ký quỹ khác theo quy định của pháp luật.		
III	Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh			

TT	Các quỹ tài chính	Nội dung về chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu hoạt động của quỹ	Các chế độ chính sách hỗ trợ của nhà nước	Ghi chú
		<p>Đề xuất điều chỉnh các quy định liên quan đến nguồn thu của Quỹ và việc sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động của Quỹ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt</p> <p>Ban hành theo thẩm quyền các quy định liên quan đến hoạt động của Quỹ</p> <p>Phê duyệt kế hoạch tài chính thu, chi hàng năm của Quỹ; quyết định phân chia phí sử dụng đường bộ thu hàng năm cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (đưa trên tiêu chí: chiều dài đường bộ, bao gồm đường đò thi, đường huyện, đường thị xã trên địa bàn quản lý, tổng số tiền thu được và tổng số mô tô đăng ký trên đại bàn)</p> <p>Phê duyệt quyết toán thu chi năm của Quỹ</p> <p>Kiểm tra, giám sát các hoạt động thu chi của Quỹ</p> <p>Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của Văn phòng Quỹ</p>		 <p>QB 181/QĐ-UBND ngày 22/01/2013 của UBND tỉnh Binh Duong</p>
IV	<p>Quỹ Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể tỉnh Bình Dương</p>	<p>Hoạt động của Quỹ hỗ trợ Phát triển Kinh tế Tập thể tỉnh Bình Dương nhằm mục đích cho vay hỗ trợ phát triển Tô hợp tác, thành viên Hợp tác xã, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã để đổi mới phát triển sản phẩm; đổi mới phát triển công nghệ kỹ thuật; Phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm; xây dựng và nhân rộng các mô hình Tô hợp tác, thành viên Hợp tác xã, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, các mô hình hợp tác xã điển hình tiên tiến... nhằm tạo thêm việc làm, hạn chế tình trạng thất nghiệp, tăng thu nhập, góp phần trong công tác giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bình Dương.</p>		
V	<p>Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ</p>	<p>Tài trợ, cho vay để thực hiện nhiệm vụ KH&CN do tổ chức, cá nhân đề xuất; Hoạt động của Quỹ vì mục đích bảo tồn vốn, bù đắp chi phí và không vì mục đích lợi nhuận.</p> <p>Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển KH&CN phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh</p>		
VI	<p>Quỹ Phòng chống thiên tai</p>	<p>1. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai quy định tại Khoản 3 Điều 10 Luật Phòng, chống thiên tai, bao gồm:</p> <p>a) Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà sơ tán phòng tránh thiên tai hoặc tu sửa khẩn cấp công trình phòng chống thiên tai có giá trị nhỏ hơn 1 tỷ đồng/1 công trình;</p> <p>b) Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế; thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán đến; hỗ trợ quan trắc, thông tin, thông báo, cảnh báo, báo động thiên tai tại công đồng;</p> <p>c) Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật, lập kế hoạch, phương án và diễn tập phòng, chống thiên tai cấp xã.</p> <p>2. Hỗ trợ chi thu lao cho người trực tiếp đi thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ tại cấp xã nhưng không vượt quá 5% số thu thực tế hằng năm trên địa bàn cấp xã.</p> <p>3. Được điều chuyển để hỗ trợ các địa phương khác bị thiệt hại do thiên tai vượt quá khả năng khác phục của địa phương</p>		
2	<p>Mục tiêu hoạt động của quỹ</p>	<p>1. Việc quản lý và sử dụng Quỹ phải đảm bảo đúng mục đích, kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và hiệu quả.</p> <p>2. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.</p>		
VIII	<p>Quỹ Hỗ trợ nông dân</p>	<p>Hỗ trợ, giúp đỡ hội viên nông dân xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế</p> <p>- Tạo điều kiện để Hội Nông dân các cấp đẩy mạnh hoạt động, tuyên truyền, tập hợp nông dân, thực hiện thắng lợi các chương trình phát triển kinh tế của Đảng, Nhà nước đối với phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân và xây dựng Hội vững mạnh.</p>	<p>Được ngân sách các cấp ủy thác vốn cho nông dân vay với lãi suất thấp</p>	
VIII	<p>Quỹ Đầu tư Phát triển</p>	<p>Huy động các nguồn vốn trung và dài hạn</p>		

TT	Các quy định chính	Nội dung về chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu hoạt động của quỹ	Các chế độ chính sách hỗ trợ của nhà nước	Ghi chú
		<p>Đầu tư trực tiếp các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh trong từng thời kỳ</p> <p>Cho vay đối với các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh trong từng thời kỳ</p> <p>Giúp vốn thành lập doanh nghiệp</p> <p>Thúc và nhận Ủy thác</p>		
IX	Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa	Thực hiện bảo lãnh tín dụng cho các DNNVV theo đúng đối tượng quy định theo pháp luật;		
		Thu hút vốn góp của các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp, các hiệp hội ngành nghề, các tổ chức đại diện và hỗ trợ cho các DNNVV;		
		Vốn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân (kể cả vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA) trong và ngoài nước cho mục tiêu phát triển các DNNVV		
		Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động hàng năm và dài hạn của hoạt động bảo lãnh tín dụng.		
X	Quỹ Phát triển đất			
1	Chức năng:	Tiếp nhận vốn từ nguồn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất và huy động các nguồn vốn khác theo quy định để ứng vốn và chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;		
		Tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh;		
2	Nhiệm vụ:	Ứng vốn cho các tổ chức phát triển quỹ đất để tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực đã có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển nhượng trước khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức phát triển các khu tái định cư phục vụ việc thu hồi đất thực hiện các dự án; tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý để đấu giá;		
		Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;		
		Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư tạo quỹ đất, quỹ nhà tái định cư theo quy hoạch;		
		Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các đề án đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp cho các đối tượng bị nhà nước thu hồi đất;		
		Ứng vốn cho ngân sách Nhà nước để chi hỗ trợ khoản chênh lệch cho hộ gia đình, cá nhân vào khu tái định cư trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu;		
		Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ xây dựng khu tái định cư; hỗ trợ xây dựng các công trình hạ tầng tại địa phương có đất bị thu hồi.		
XI	Quỹ Phát triển nhà ở			
1	Chức năng:	Tiếp nhận vốn từ nguồn thu từ việc bán, cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn;		
		Tiền trích tối thiểu 10% từ tiền sử dụng đất của các dự án phát triển Nhà ở Thương mại và các dự án mới trên địa bàn;		
		Ngân sách địa phương hỗ trợ;		
		Tiền huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;		
		Tiền hỗ trợ đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân khác trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động của Quỹ		

TT	Các quỹ tài chính	Nội dung về chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu hoạt động của quỹ	Các chế độ chính sách hỗ trợ của nhà nước	Ghi chú
2	Nhiệm vụ:	<p>Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn được cấp (bằng tiền và bằng hiện vật) và vốn huy động từ các nguồn hợp pháp;</p> <p>Huy động các nguồn vốn thực hiện chương trình phát triển nhà ở xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn theo quy định của pháp luật; tiếp nhận vốn viện trợ hợp pháp trong và ngoài nước;</p> <p>Đầu tư vào các dự án nhà ở xã hội theo quy định tại Điều lệ và pháp luật về nhà ở; tổ chức bán nhà theo phương án được UBND tỉnh phê duyệt, cho thuê trực tiếp và duy tu, bảo dưỡng theo chương trình nhà ở của UBND tỉnh; thực hiện thu hồi vốn đầu tư theo quy định;</p> <p>Đầu tư vốn nhằm chi hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phát triển nhà ở theo quy định của UBND tỉnh;</p> <p>Thực hiện chức năng cho vay với lãi suất ưu đãi với các dự án phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh (được xây dựng bằng nguồn vốn không phải từ ngân sách Nhà nước);</p> <p>Xây dựng kế hoạch hoạt động và kế hoạch đầu tư phù hợp với chương trình phát triển nhà ở của tỉnh trong từng giai đoạn;</p> <p>Bảo cáo Chủ tịch HĐND, Ủy ban quyết định chi, thu hồi vốn đã đầu tư, cho vay khi phát hiện tổ chức, đơn vị sử dụng nguồn vốn phát triển nhà ở vi phạm các quy định về sử dụng vốn;</p> <p>Nguồn vốn của Quỹ được quản lý theo quy định của pháp luật;</p> <p>Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>Tiếp nhận quỹ đất, quỹ nhà do UBND tỉnh giao để triển khai việc đầu tư xây dựng các dự án trên. Quỹ đất được giao phải là đất đã được thực hiện xong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và có đầy đủ điều kiện pháp lý để có thể triển khai ngay việc đầu tư xây dựng;</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh giao.</p>		

PHỤ LỤC 3: TỔNG HỢP CÁC NGUỒN THU CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH
(Kèm theo Báo cáo số 189/BC-ĐDBQH ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Đoàn ĐBQH tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nguồn thu của Quỹ	Nội dung về nguồn thu quỹ	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Dự kiến 2019	Dự kiến 2020
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện		
I	QUỸ KHÁM CHỮA BỆNH CHO NGƯỜI NGHÈO	Hỗ trợ từ ngân sách		1,127		4,000						1,000	4,600	2,000	5,000	8,000
				1,127		4,000			1,000	4,600	2,000	5,000	8,000			
II	QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	Doanh thu nghiệp vụ (cho vay và ký quỹ)	5,250	5,708	6,510	6,283	6,138	7,128	6,186	8,563	9,036	9,829	10,400	10,648	10,920	11,247
			2,531	2,314	3,600	3,682	2,398	3,689	3,843	4,092	5,136	6,458	7,806	8,195	8,440	
2		Doanh thu tài chính	2,719	3,394	2,910	2,601	3,740	3,439	4,471	3,900	3,371	3,000	2,842	2,725	2,807	
III	QUỸ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ TỈNH	Ngân sách tỉnh	22,418	22,418	77,984	77,984	86,270	86,270	95,329	112,786	112,786	112,786	147,167	112,962	165,411	165,411
					52,160	52,160	52,758	52,758	53,884	53,884	77,500	77,500	96,203	96,203	105,000	105,000
1	Hỗ trợ từ ngân sách	Quỹ BTĐB Trung ương	22,418	22,418	25,824	25,824	33,512	33,512	41,445	41,445	1,767	1,767				
2	Nguồn từ người sử dụng lao động	Ngân sách trung ương									33,519	50,964	16,759	60,411	60,411	60,411
IV	QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TỈNH BÌNH DƯƠNG	Hỗ trợ từ ngân sách		1,624		1,918						1,653		1,169	51,300	51,400
				1,624		1,918			1,807	1,891			1,653		1,300	1,400
1		Nguồn từ người sử dụng lao động		1,624		1,918										
V	QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN			417		315						304		142	230	345

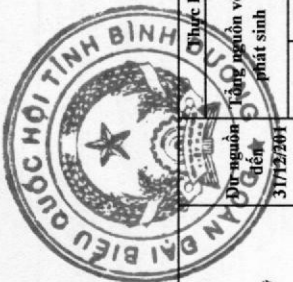
TT	Nguồn thu của Quỹ	Nội dung về nguồn thu quỹ	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Dự kiến 2019	Dự kiến 2020	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện			
		Hỗ trợ từ ngân sách; Thu lãi cho vay (lãi suất từ 2% năm đến 5% năm tùy theo lĩnh vực dự án)		417		315		644		145		304		142	230	345	
VI	QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI																
		Nguồn từ người sử dụng lao động; Các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập; Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi đến hết tuổi lao động theo quy định của pháp luật về lao động; Các tổ chức cá nhân tham gia đóng góp tự nguyện cho Quỹ						12,388	29,119	27,156	35,475	25,000	38,065	33,600	38,450	35,000	40,000
VII	QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN		15,335	27,430	14,048	19,757	15,725	19,722	15,132	15,030							
1	Hỗ trợ từ ngân sách		14,490	25,640	11,416	16,600	12,700	16,916	12,000	12,000							
2	Sinh lợi từ hoạt động		845	1,790	2,632	3,157	3,025	2,806	3,132	3,030							
2.1	Thu khác		123	233	91	273	168	304	300	350							
2.2	Thu phí nguồn Trung Ương		251	238	335	320	243	184	178	180							
2.3	Thu phí nguồn Ngân sách Tỉnh		432	1,286	2,166	2,459	2,520	2,249	2,654	2,500							
2.4	Thu phí nguồn Tỉnh Hội Bò sung		39	33	40	105	94	69									
VIII	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN		144,784	106,865	0	137,749	150,000	242,279	100,000	207,252	114,243	118,121	123,827				
		Ngân sách cấp vốn điều lệ		50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	100,000	100,000							
		Huy động	61,242			150,000			18,500								

TT	Nguồn thu của Quỹ	Nội dung về nguồn thu quỹ	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Dự kiến 2019	Dự kiến 2020
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện		
		Đóng góp từ người hưởng lợi		83,542		106,865		87,749		92,279		104,738		114,243		123,827
		Sinh lời từ hoạt động đầu tư														
IX	QUỸ PHÁT TRIỂN NHÀ Ở		100,000	114,700	100,000	118,255	100,000	120,001	200,000	229,625	0	31,835	50,000	83,114	34,800	36,600
		Ngân sách cấp vốn điều lệ	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000	200,000	200,000			50,000	50,000		
		Sinh lời từ hoạt động đầu tư		14,700		18,255		20,001		29,625		31,835		33,114	34,800	36,600
X	QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT		350,000	420,392	250,000	327,479	250,000	324,937	0	86,911	0	95,323	0	90,000	95,000	98,000
		Ngân sách cấp vốn điều lệ	350,000	350,000	250,000	250,000	250,000	250,000								
		Sinh lời từ hoạt động đầu tư		70,392		77,479		74,937		86,911		95,323		90,000	95,000	98,000

PHỤ LỤC 4: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH
(Kèm theo Báo cáo số 189/BC-ĐDBQH ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Đoàn ĐBQH tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên quỹ	Số người Đã nhận 31/12/2019	Thực hiện năm 2013			Thực hiện năm 2014			Thực hiện năm 2015			Thực hiện năm 2016			Thực hiện năm 2017			Thực hiện năm 2018						
			Tổng số phát sinh	Vốn sử dụng trong năm	Dư cuối năm	Tổng số phát sinh	Vốn sử dụng trong năm	Dư cuối năm	Tổng số phát sinh	Vốn sử dụng trong năm	Dư cuối năm	Tổng số phát sinh	Vốn sử dụng trong năm	Dư cuối năm	Tổng số phát sinh	Vốn sử dụng trong năm	Dư cuối năm	Tổng số phát sinh	Vốn sử dụng trong năm	Dư cuối năm				
1	Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo	1	1,127	1,127	1,127	4,000	3,240	1,887	10	11	12	14	15	16	17=13+14+16	18	19	20	21=17+18+20	22	23	24	25=21+22+24	
2	Quỹ Bảo vệ môi trường	20,763	30,786	28,932	1,127	4,000	4,000	1,887	3,485		780	1,107	22,967	18,000	24,391	75,098	25,478	21,400	31,795	68,781	24,016	2,000	2,000	1,416
3	Quỹ Phát triển khoa học CN	5,180		-312	9	9	9	4,811	3,485		-8,195	76,522	100,000	100,000	-650	111,201	100,000	4,028	12,700	107,173	19,152	16,200	-4,030	111,203
4	Quỹ Hỗ trợ nông dân	1,204	17,443	13,019	5,628	33,748	23,686	15,690	15,165	11,416	6,066	24,788	21,317	16,600	3,915	42,190	14,979	12,700	12,700	44,469	19,152	16,200	47,421	
5	Quỹ Phòng chống thiên tai			0	0	0	0	0	29,119	2,456	26,663	35,475	35,475	27,240	34,899	38,065	38,065	21,762	21,762	51,202	38,450	28,504	28,504	61,148
6	Quỹ Bảo trì đường bộ		22,418		22,418	77,984	57,208	43,194	86,270	52,758	76,035	95,328	53,883	114,855	33,902	34,208	112,786	77,500	112,480	34,208	112,962	112,962	147,156	14
7	Quỹ Hỗ trợ phát triển KTTT	32,843		226	32,617		-38	32,655		7,036	25,619	25,619	1,166	24,453				2,006	2,006	22,447	3,900	24,356	1,991	1,991
8	Quỹ Đầu tư phát triển	200,036	375,578	450,874	490,412	50,000	506,186	108,966	1,068,976	50,000	747,197	775,051	150,000	847,374	358,422	764,714	100,000	727,220	395,916	802,388	844,800	844,800	353,504	353,504
9	Quỹ Phát triển nhà ở	175,942	100,000		117,880	100,000	393,822	393,822	119,898	100,000	20,772	492,948	243,440	200,000	61,779	674,609	81,478	82,200	673,887	139,277	50,000	63,202	63,202	749,962
10	Quỹ Phát triển đất	791,207	496,922	350,000	346,376	50,000	3,541	1,630,964	324,506		27,567	1,927,903	84,057	2,206	2,009,754		120,903	237	2,130,420	101,029		32,109	2,199,340	



PHỤ LỤC 5: TỔNG HỢP CÁC KHOẢN CHI CỦA CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kèm theo Báo cáo số: 109 /BC-ĐDBQH ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Đoàn ĐBQH tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

TT	Năm 2013	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
I											
			3,240		780		762		1,340		1,416
			3,240		780		762		1,340		1,416
II											
		2,567	3,548	3,678	3,091	3,498	3,731	4,604	5,288	5,870	5,718
1		2,116	2,332	2,414	1,732	2,243	1,814	2,323	2,725	3,082	2,901
2		451	448	477	1,184	469	1,797	2,083	2,391	2,635	2,672
3		0	768	787	175	786	120	198	172	153	145
III											
		20,608	-	77,984	76,035	86,270	95,328	114,855	95,253	170,088	132,527
1		-	-	3,587	785	1,809	800	725	321	884	769
2		20,608	-	74,397	75,250	84,461	94,528	114,130	94,812	169,204	131,758
3		-	-	-	-	-	-	-	120	-	-
IV											
1		2,336	2,136	2,299	661	1,348	1,411	735	1,006	1,668	1,241
V											
1									11		11
2									28		68
VI											
1			415		1,171			1,665	1,217		745
2			203		217			210	182		90
			212		954			1,455	1,035		655
VII											
					2,456			27,240	21,762		28,504
					2,456			27,240	21,762		28,504

TT	Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
VIII	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN		78,009		56,537		40,497		55,233		63,951		81,558
	<i>Chi hoạt động quản lý quỹ</i>		78,009		56,537		40,497		55,233		63,951		81,558
IX	QUỸ PHÁT TRIỂN NHÀ		4,900		5,149		5,624		9,181		9,093		10,441
	<i>Chi hoạt động quản lý quỹ</i>		4,900		5,149		5,624		9,181		9,093		10,441
X	QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT		23,464		21,853		21,136		21,757		23,829		22,500
	<i>Chi hoạt động quản lý quỹ</i>		23,464		21,853		21,136		21,757		23,829		22,500